



NHỮNG VẤN ĐỀ PHÁP LÝ QUAN TRỌNG TRONG LĨNH VỰC DỆT MAY DÀNH CHO NHÀ ĐẦU TƯ TRUNG QUỐC

针对中国投资者在越南纺织行业的重要 法律问题

DIỄN GIẢ/SPEAKER: TS. LS. LÊ THỊ DUNG
博士 - 律师 LE THI DUNG
CEO CÔNG TY LUẬT SIGLAW
执行总监 SIGLAW FIRM

MỤC LỤC/目录

1 - Các hiệp định quốc tế về đầu tư trong hoạt động công nghiệp dệt may giữa Việt Nam và Trung Quốc.

Cơ hội và lợi thế

2 - Quy định pháp luật Việt Nam về các hình thức đầu tư đối với nhà đầu tư Trung Quốc trong ngành dệt, may

3 - Quy định pháp luật Việt Nam về các điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư Trung Quốc hoạt động trong ngành, nghề dệt may

4 - Chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với nhà đầu tư Trung Quốc đầu tư trong ngành dệt, may tại Việt Nam

5 - Các khu công nghiệp dệt may hoặc tập trung các công ty dệt may lớn tại Việt Nam hiện nay

1 - 中国-越南纺织行业投资相关国际协议，机会及其优势

2 - 关于中国投资者在纺织行业投资形式的相关法规

3 - 关于中国投资者在纺织行业的市场准入条件的相关法规

4 - 针对在越南纺织、服装行业投资的中国投资者的优惠政策和支持

5 - 各大越南纺织工业区及大型纺织公司集中地区

MỤC LỤC/目录

6 - Ưu đãi thuế cho doanh nghiệp xuất khẩu hàng dệt may theo các hiệp định thương mại (CPTPP, EVFTA...)

7 - Chính sách, quy định pháp luật về bảo đảm đầu tư đối với nhà đầu tư TQ đầu tư trong ngành dệt, may tại VN

8 - Kiểm soát tuân thủ trong hoạt động của dự án, doanh nghiệp dệt, may của nhà đầu tư TQ tại VN

9 - Các vấn đề cần lưu ý đối với người lao động nước ngoài trong doanh nghiệp dệt, may của nhà đầu tư TQ tại VN

10 - Một số loại Hợp đồng phổ biến trong hoạt động kinh doanh ngành dệt, may của nhà đầu tư TQ tại VN

6 - 各项贸易协定（CPTPP, EVFTA等）给予纺织品出口企业的税收优惠。

7 - 关于保障中国投资者在越南纺织服装行业投资的政策及法律规定

8 - 关于保障中国投资者在越南纺织服装行业投资的政策及法律规定

9 - 关于中国投资者在越南纺织行业中对外籍劳工需注意的问题

10 - 关于中国投资者在越南纺织服装业常见的一些合同类型

CÁC HIỆP ĐỊNH QUỐC TẾ VỀ ĐẦU TƯ TRONG HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHIỆP DỆT MAY GIỮA VN VÀ TQ CƠ HỘI VÀ LỢI THẾ

Các hiệp định quốc tế về đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp dệt may giữa Việt Nam và Trung Quốc được điều chỉnh bởi nhiều thỏa thuận đa phương và song phương.

Đa phương	Song phương
Khu vực Mậu dịch Tự do ASEAN-Trung Quốc (ACFTA)	Hiệp định Khuyến khích và Bảo hộ Đầu tư (BIT, 1992)
Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP)	MOU giữa Hiệp hội Dệt may Việt Nam (VITAS) và Hiệp hội Dệt may Trung Quốc (CNTAC)
	Sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI)

中国-越南纺织行业投资相关国际协议 机会及其优势

中国-越南纺织行业投资相关国际协定体现于多项多边和双边协议。

多边	双边
东盟-中国自由贸易区 (ACFTA)	投资鼓励和保护协定 (BIT, 1992)
区域全面经济伙伴合作协定 (RCEP)	越南纺织服装协会 (VITAS) 与中国纺织品商业协会 (CNTAC) 之间的谅解备忘录
	一带一路倡议(BRI)

CÁC HIỆP ĐỊNH QUỐC TẾ VỀ ĐẦU TƯ TRONG HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHIỆP DỆT MAY GIỮA VN VÀ TQ CƠ HỘI VÀ LỢI THẾ

Cơ hội và lợi thế:

Việt Nam sẽ rộng thị trường hơn và tận dụng các ưu đãi thuế quan

Cơ chế bảo hộ đầu tư (đối xử công bằng, không trưng thu) và ưu đãi thuế giúp thu hút doanh nghiệp TQ xây dựng nhà máy tại VN.

Tiếp cận công nghệ mới, tiếp nhận chuyển giao công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm.

Phát triển chuỗi cung ứng, đầu tư vào đường sắt, cảng biển (Lạch Huyện, Cái Mép) giảm chi phí vận chuyển nguyên liệu và thành phẩm

Tiếp cận các thị trường lớn, các nước dọc theo Con đường Tơ lụa, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu hàng dệt may.

中国-越南纺织行业投资相关国际协议 机会及其优势

机会和优势:

越南将扩大市场规模，并利用关税优惠。

投资保护机制（公平对待，不征收）和税收优惠有助于吸引中国企业在越南建立工厂。

接触新技术，接受技术转让，提高产品质量。

发展供应链，投资铁路和港口（乐县港，盖梅港）以降低原材料和成品的运输成本。

接触大市场，丝绸之路沿线国家，多样化纺织品出口市场。

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ CÁC HÌNH THỨC ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ TQ TRONG NGÀNH DỆT, MAY

Một số hình thức đầu tư phổ biến pháp luật VN cho phép:

- ✓ Thành lập DN 100% vốn TQ (vốn cá nhân/pháp nhân).
- ✓ Thành lập công ty liên doanh VN - TQ (Nhà đầu tư TQ hợp tác với một doanh nghiệp VN để thành lập một doanh nghiệp mới, mỗi bên góp một phần vốn).
- ✓ Đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC (Hợp đồng hợp tác kinh doanh). Nhà đầu tư TQ và doanh nghiệp VN ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh cùng thực hiện một dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may mà không thành lập pháp nhân mới.
- ✓ Mua CP, góp vốn vào doanh nghiệp: Nhà đầu tư TQ mua cổ phần hoặc góp vốn vào một doanh nghiệp dệt may đã có mặt trên thị trường VN. Đó có thể là doanh nghiệp nội địa /doanh nghiệp có vốn đầu tư TQ/một doanh nghiệp bất kỳ.
- ✓ Đầu tư gián tiếp: Nhà đầu tư TQ đầu tư vào ngành dệt may VN thông qua việc mua chứng khoán, trái phiếu hoặc các công cụ tài chính khác có sẵn.

关于中国投资者在纺织行业投资形式的相关法规

越南法律允许的一些常见投资形式:

- ✓ 成立100%中国资本的企业（个人或法人资本）。
- ✓ 成立越南-中国合资公司 (中国投资者与越南企业合作成立一家新公司，双方各出资一部分)。
- ✓ 按照BCC合同形式投资（商业合作合同）。中国投资者与越南企业签署商业合作合同，共同实施一个在纺织行业的投资项目，而不成立新的法人实体。
- ✓ 购买股份，向企业投资: 中国投资者购买股份或向一家已在越南市场上存在的纺织企业投资。这可以是本地企业，也可以是有中国投资的企业，或者任何其他企业。
- ✓ 间接投资: 中国投资者通过购买证券、债券或其他可用金融工具投资于越南纺织行业。

QUY ĐỊNH PLVN VỀ CÁC ĐIỀU KIỆN TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ TQ HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀNH, NGHỀ DỆT MAY

Về điều kiện tiếp cận thị trường:

- Hiện nay theo phụ lục IA Nghị định 31/2021/NĐ-CP có 25 lĩnh vực chưa được tiếp cận thị trường. Đối với nhóm ngành nghề này, nhà đầu tư sẽ không được thực hiện hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, không có ngành dệt may.
- Theo phụ lục IB Nghị định 31 về ngành nghề hạn chế tiếp cận thị trường có gồm 59 ngành nghề. Đối với nhóm ngành nghề này, nhà đầu tư cần đáp ứng được điều kiện tiếp cận, như tỷ lệ sở hữu vốn đầu tư, phạm vi hoạt động, năng lực tài chính...mới được tham gia đầu tư. Tuy nhiên, ngành dệt may cũng không nằm trong danh mục hạn chế tiếp cận thị trường.
- Theo Biểu cam kết WTO về dịch vụ: Dệt may thuộc nhóm Dịch vụ liên quan đến sản xuất (CPC 884 và 885)
-> *cam kết mở cửa, được thành lập công ty 100% vốn TQ.*

关于中国投资者在纺织行业的市场准入条件的相关法规

关于市场准入的条件:

- 目前, 根据《2021年第31号政府令》附录IA, 有25个领域尚未获得市场准入。对于这一行业类别, 投资者将无法进行商业活动。然而, 并没有纺织服装行业。
- 根据《31号法令》附录IB, 关于限制市场准入的行业包括59个行业。对于这一行业类别, 投资者需要满足准入条件, 如投资股权比例、业务范围、财务能力等, 才能参与投资。然而, 纺织服装行业并不在限制市场准入的名单中。
- 根据世界贸易组织关于服务的承诺表: 纺织属于与生产相关的服务组 (CPC 884 和 885)
-> **承诺开放, 成立100%中资公司。**

CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ TQ ĐẦU TƯ TRONG NGÀNH DỆT, MAY TẠI VN

Trường hợp 1: Theo tại Phụ lục kèm theo Nghị định 111/2015/NĐ-CP, nếu nhà đầu tư Trung Quốc tiến hành đầu tư vào ngành sản xuất các nguyên liệu sau đây cho ngành dệt may:

1. Xơ thiên nhiên: Bông, đay, gai, tơ tằm;
2. Xơ tổng hợp: PE, Viscose
3. Sợi dệt kim, sợi dệt thoi; sợi Polyester có độ bền cao, sợi Spandex, nylon có độ bền cao
4. Vải: Vải kỹ thuật, vải không dệt, vải dệt kim, vải dệt thoi
5. Chỉ may trong ngành dệt may
6. Hóa chất, chất trợ, thuốc nhuộm phục vụ ngành nhuộm hoàn tất vải
7. Phụ liệu ngành may: Cúc, mex, khóa kéo, băng chun

针对在越南纺织、服装行业投资的中国投资者的优惠政策和支持

情况1: 根据附录附在《2015年第111号法令-政府法令》中，如果中国投资者投资于以下纺织行业原材料的生产:

1. 天然纤维：棉、麻、苧麻、丝绸
2. 合成纤维：聚乙烯、粘胶
3. 针织纱线、梭织纱线；高强度聚酯纱线、高强度氨纶、尼龙纱线
4. 面料：技术面料、无纺布、针织面料、梭织面料
5. 纺织行业的缝纫线
6. 化学品、助剂、染料用于面料染整行业
7. 裁缝辅料：扣子、绳带、拉链、松紧带

CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ TQ ĐẦU TƯ TRONG NGÀNH DỆT, MAY TẠI VN

Sẽ được hưởng các ưu đãi và hỗ trợ đầu tư theo diện ngành công nghiệp hỗ trợ trong Điều 12 Nghị định 111/2015/NĐ-CP:

- **Ưu đãi về thuế:** Chẳng hạn như doanh nghiệp sẽ được hưởng mức thuế suất ưu đãi thuế TNDN 15% trong 15 năm (điểm đ khoản 1 Điều 13 Luật Thuế TNDN 2008 sửa đổi bổ sung). Ngoài ra doanh nghiệp còn được hưởng các ưu đãi về thuế NK, thuế GTGT.
- Ngoài ra còn nhiều **ưu đãi khác** trong Nghị định 111/2015 như ưu đãi về tín dụng, tiền thuê đất, mặt nước cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

针对在越南纺织、服装行业投资的中国投资者的优惠政策和支持

将享受根据《2015年第111号法令》第12条规定的支持产业的优惠和投资支持:

- **税收优惠:** 例如, 企业将享受15年内15%的企业所得税优惠税率 (根据2008年企业所得税法第13条第1款第 (d) 项的修订和补充)。此外, 企业还可享受进口税和增值税的优惠。
- 此外, 《2015年第111号法令》中还有许多其他优惠, 例如对中小企业的信贷、土地租金和水面使用的优惠。

CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ TQ ĐẦU TƯ TRONG NGÀNH DỆT, MAY TẠI VN

Trường hợp 2: Nhà đầu tư Trung Quốc tiến hành đầu tư vào ngành dệt may (thuộc ngành nghề được ưu đãi đầu tư theo Nghị định 31/2021) thì sẽ được hưởng những ưu đãi sau:

1. Ưu đãi về thuế:

- **Miễn thuế nhập khẩu** đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định cho dự án và đối với nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu. (căn cứ vào Nghị định 134/2016).
- **Miễn thuế TNDN:** Miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo; Miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo và Miễn thuế 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo (tùy vào địa điểm đầu tư khó khăn hay đặc biệt khó khăn sẽ tương ứng với từng khung ưu đãi) (thực hiện theo Nghị định 218/2013/NĐ-CP).

针对在越南纺织、服装行业投资的中国投资者的优惠政策和支持

情况2: 中国投资者在纺织行业进行投资（属于根据《2021年第31号法令》获得投资优惠的行业）将享受以下优惠:

1. 税收优惠:

- 对于为项目创造固定资产而进口的货物，以及越南国内尚未生产的原料、物资和半成品进口用于生产出口商品，免征进口税（根据2016年第134号法令）
- 免企业所得税：免税4年，接下来的9年减免50%的应纳税额；免税4年，接下来的5年减免50%的应纳税额；免税2年，接下来的4年减免50%的应纳税额。（根据投资地点的困难或特别困难程度，将对应于不同的优惠框架）（按照《2013年第218号政府令》执行）

CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ TQ ĐẦU TƯ TRONG NGÀNH DỆT, MAY TẠI VN

2. Ưu đãi về đất đai (thực hiện theo Nghị định 103/2024)

- **Miễn tiền thuê đất 3 năm** đối với dự án ưu đãi đầu tư, 11 năm đối với dự án ưu đãi đầu tư tại địa bàn có điều kiện KT - XH khó khăn, 15 năm đối với dự án ưu đãi đầu tư tại địa bàn có điều kiện KT - XH đặc biệt khó khăn.

3. Hỗ trợ đầu tư

- **Hỗ trợ tiếp cận tín dụng:** Nhà nước có các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi.
- **Hỗ trợ xúc tiến thương mại:** Tham gia các chương trình xúc tiến thương mại trong và ngoài nước để quảng bá sản phẩm, tìm kiếm đối tác.
- **Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực:** Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho người lao động.

针对在越南纺织、服装行业投资的中国投资者的优惠政策和支持

2. 土地优惠（按照《2024年第103号政府令》执行）

- 对于优惠投资项目，免除3年的土地租金；对于经济社会条件困难地区的优惠投资项目，免除11年的土地租金；对于经济社会条件特别困难地区的优惠投资项目，免除15年的土地租金。

3. 投资支持

- **信贷获取支持：** 国家有各种支持企业获取优惠信贷资金的项目。
- **贸易促进支持：** 参与国内外的贸易促进项目，以推广产品，寻找合作伙伴。
- **人力资源培训支持:** 协助培训和培养,提高劳动者的技能水平。

MỘT SỐ KCN DỆT MAY/ TẬP TRUNG CÁC CÔNG TY DỆT MAY LỚN TẠI VN HIỆN NAY

Miền Bắc:

- KCN Dệt may Phố Nối B - Hưng Yên
- KCN Dệt may Rạng Đông - Nam Định
- KCN Thăng Long - Hà Nội
- KCN Nội Bài - Hà Nội
- KCN Quế Võ - Bắc Ninh
- KCN Đình Trám - Bắc Giang
- KCN Yên Phong - Bắc Ninh
- KCN Nam Sách - Hải Dương
- KCN Vĩnh Phúc,...

各大越南纺织工业区及大型纺织公司集中地区

北部:

- 纺织工业园B区 - 兴安省
- 日东纺织工业园 - 南定省
- 升龙工业园 - 河内
- 内排工业园 - 河内
- 桂武工业园 - 北宁省
- 亭斩工业园 - 北江省
- 安丰工业区 - 北宁
- 南策工业园 - 海阳省
- 永福工业区,...



MỘT SỐ KCN DỆT MAY/ TẬP TRUNG CÁC CÔNG TY DỆT MAY LỚN TẠI VN HIỆN NAY

Miền Trung:

- KCN Du Long - Ninh Thuận
- KCN Tam Thăng - Quảng Nam
- KCN Hòa Khánh - Đà Nẵng
- KCN Phong Điền - Thừa Thiên Huế
- KCN Vĩnh Lộc - Thanh Hóa
- KCN Nam Cẩm - Nghệ An
- KCN Dung Quất - Quảng Ngãi
- KCN Phú Bài - Thừa Thiên Huế,...

各大越南纺织工业区及大型纺织公司集中地区

中部:

- 珠龙工业区 - 宁顺
- 三升工业区 - 广南
- 和庆工业区 - 岷港
- 丰田工业区 - 承天-顺化
- 永禄工业区 - 清化
- 南锦工业区 - 义安
- 荣屈工业区 - 广义
- 富牌工业区 - 承天顺化,...

MỘT SỐ KCN DỆT MAY/ TẬP TRUNG CÁC CÔNG TY DỆT MAY LỚN TẠI VN HIỆN NAY

Miền Nam:

- KCN Dệt may Bình An - Bình Dương
- KCN Lê Minh Xuân - TP. Hồ Chí Minh
- KCN Long Hậu - Long An
- KCN Trảng Bàng - Tây Ninh
- KCN Gò Dầu - Tây Ninh
- KCN Mỹ Xuân - Bà Rịa - Vũng Tàu
- KCN Phú Mỹ - Bà Rịa - Vũng Tàu,...

各大越南纺织工业区及大型纺织公司集中地区

南部:

- 平安纺织工业区 - 平阳
- 平安纺织工业区 - 平阳
- 黎明春工业区 - 胡志明市
- 龙厚工业区 - 隆安
- 长盘工业区 - 西宁
- 戈油工业区 - 西宁
- 美春工业区 - 巴地头顿
- 富美工业区 - 巴地头顿,...

ƯU ĐÃI THUẾ CHO DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU HÀNG DỆT MAY THEO CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI (CPTPP, EVFTA...)

Việt Nam tham gia vào các Hiệp định thương mại tự do (FTA) như CPTPP và EVFTA đã mang lại những cơ hội rất lớn cho ngành dệt may, đặc biệt là về thuế quan.

1. Hiệp định CPTPP:

- CPTPP cam kết cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế quan đối với phần lớn hàng hóa, bao gồm cả hàng dệt may. Các nước thành viên CPTPP sẽ dần dần loại bỏ thuế quan cho hàng dệt may của Việt Nam theo lộ trình đã được thống nhất.
- Đối với CPTPP, các nước tham gia cam kết xóa bỏ từ 97% - 100% số dòng thuế nhập khẩu đối với hàng hóa có xuất xứ từ VN tùy theo cam kết của từng nước. Riêng mặt hàng dệt may sẽ có tốc độ xóa bỏ thuế dần đều trong vòng 7 năm về 0%.

各项贸易协定 (CPTPP, EVFTA等)给予纺织品出口企业的税收优惠

越南加入全面与进步跨太平洋伙伴关系协定 (CPTPP)和欧盟-越南自由贸易协定 (EVFTA) 等自由贸易协定(FTA)

1. 全面与进步跨太平洋伙伴关系协定:

- 全面与进步跨太平洋伙伴关系协定承诺对大部分商品（包括纺织品）削减或取消关税。全面与进步跨太平洋伙伴关系协定成员国将按照既定路线逐步取消纺织品和服装的关税。
- 对于全面与进步跨太平洋伙伴关系协定,参与国家承诺根据各自的承诺,对原产于越南的商品取消 97% 至 100% 的进口关税。对于纺织品, 关税将在7年内逐步降至0%。

ƯU ĐÃI THUẾ CHO DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU HÀNG DỆT MAY THEO CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI (CPTPP, EVFTA...)

1. Hiệp định CPTPP:

- Đối với nhóm hàng dệt may:
 - EU sẽ xóa bỏ hoàn toàn thuế nhập khẩu cho các sản phẩm của Việt Nam trong vòng 7 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực.
 - Canada xóa bỏ ngay khi hiệp định có hiệu lực hoặc sau 3 năm
 - Nhật Bản xóa bỏ 98,8% ngay khi hiệp định có hiệu lực
 - Đối với một số thị trường mà VN chưa có FTA như Mexico và Peru, thuế nhập khẩu của hàng dệt may được xóa bỏ hoàn toàn vào năm thứ 16.

各项贸易协定 (CPTPP, EVFTA等) 给予纺织品出口企业的税收优惠

1. 全面与进步跨太平洋伙伴关系协定:

- 对于纺织品类商品:
 - 欧盟将在协定生效后7年内完全取消对越南产品的进口关税。
 - 加拿大将在协定生效时立即取消关税,或在3年内逐步取消。
 - 日本在协议生效时立即取消 98,8% 的关税。
 - 对于越南尚未签署自由贸易协定 (FTA) 的某些市场, 如墨西哥和秘鲁, 纺织品的进口关税将在第16年完全取消。

ƯU ĐÃI THUẾ CHO DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU HÀNG DỆT MAY THEO CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI (CPTPP, EVFTA...)

2. Hiệp định EVFTA:

- **Giảm thuế về 0%:**
 - 100% các mặt hàng dệt may của VN sẽ được giảm thuế nhập khẩu về 0% sau tối đa 7 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực (01/08/2020).
 - Thuế suất cơ sở trong EVFTA là khoảng 12%, và sẽ giảm dần về 0% theo lộ trình.
- **Quy tắc xuất xứ linh hoạt:**
 - EU đã đồng ý cho phép cộng gộp xuất xứ với những nước đã có FTA với EU như Hàn Quốc, Nhật Bản... Do đó, VN có quyền nhập khẩu vải từ Hàn Quốc sản xuất các mặt hàng may mặc để xuất khẩu sang thị trường EU nhằm hưởng ưu đãi về thuế quan. Tất cả các quốc gia sẽ ký FTA với EU trong tương lai cũng sẽ được tính cộng gộp theo phương thức này.
- **Lợi ích dài hạn:**
 - Trong những năm đầu tiên, một số mặt hàng có thể có thuế suất cao hơn so với thuế suất GSP (ưu đãi thuế quan phổ cập) đang được hưởng, nhưng về dài hạn, EVFTA mang lại lợi thế cạnh tranh lớn cho dệt may VN.

各项贸易协定 (CPTPP, EVFTA等) 给予纺织品出口企业的税收优惠

2. 欧盟-越南自由贸易协定:

- **减税至 0%:**
 - 自协议生效之日（2020年8月1日）起最多7年后，越南100%的纺织品和服装产品的进口税将降至0%。
 - 欧盟-越南自由贸易的基本税率约为12%，并逐步降低至0%。
- **灵活的原产地规则:**
 - 欧盟已同意允许与已与欧盟签署自由贸易协定（FTA）的国家（如韩国、日本等）进行原产地累计。因此，越南有权从韩国进口面料生产纺织品后出口到欧盟市场，并同样享受关税优惠。未来与欧盟签署自由贸易协定（FTA）的国家也将按照这种方式进行原产地累计。
- **长期利益:**
 - 在最初的几年里，一些商品的税率可能会高于当前享受的GSP（普惠制关优惠）税率，但从长期来看，EVFTA 将为越南纺织业带来巨大的竞争优势。

ƯU ĐÃI THUẾ CHO DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU HÀNG DỆT MAY THEO CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI (CPTPP, EVFTA...)

3. Ưu đãi thuế quan khi xuất khẩu sang Mỹ:

- Hiện nay, phần lớn hàng dệt may Việt Nam xuất khẩu sang Mỹ phải chịu thuế quan thông thương theo biểu thuế nhập khẩu HTSUS (Harmonized Tariff Schedule of the United States) do Mỹ rút khỏi TPP năm 2017 và đình chỉ Hệ thống Ưu đãi Thuế quan Phổ cập (GSP) vào năm 2020.

各项贸易协定（CPTPP, EVFTA等）给予纺织品 出口企业的税收优惠

3. 出口到美国的关税优惠

- 目前，由于美国于2017年退出TPP并于2020年暂停普惠制关税优惠（GSP），大部分越南纺织品出口到美国需按照《美国统一关税表》（HTSUS）适用正常贸易关税。

CHÍNH SÁCH, QUY ĐỊNH PL VỀ BẢO ĐẢM ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ TQ ĐẦU TƯ TRONG NGÀNH DỆT, MAY TẠI VN

- Bảo đảm quyền sở hữu tài sản của nhà đầu tư khi tham gia hoạt động góp vốn tại Việt Nam.
- Bảo đảm về quyền chuyển lợi nhuận hợp pháp của nhà đầu tư ra nước ngoài.
- Bảo đảm hoạt động góp vốn đầu tư kinh doanh của nhà đầu tư nước ngoài: bình đẳng, các điều kiện đầu tư công khai, minh bạch, trên tinh thần tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư.
- Bảo đảm đầu tư kinh doanh trong trường hợp thay đổi PL.
- Bảo đảm quyền lợi của nhà đầu tư đối với vấn đề thuế thu nhập toàn cầu.

关于保障中国投资者在越南纺织服装行业投资的政策及法律规定

- 保障投资者在越南参与投资活动时的财产所有权。
- 保障外国投资者合法利润的转移。
- 保障外国投资者的投资经营活动：平等、公开、透明的投资条件，致力于为投资者创造便利条件。
- 在法律变更情况下确保正常投资经营。
- 保障投资者在全球所得税问题上的权益。

KIỂM SOÁT TUÂN THỦ TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN, DOANH NGHIỆP DỆT, MAY CỦA NHÀ ĐẦU TƯ TQ TẠI VN

- **Tuân thủ quy định về thuế:** doanh nghiệp cần đăng ký, kê khai thuế đầy đủ, đúng hạn theo quy định PLVN.
- **Tuân thủ quy định về Kế toán - Kiểm toán:** Doanh nghiệp cần xây dựng và áp dụng hệ thống kế toán phù hợp với chuẩn mực kế toán VN (VAS), tuân thủ quy định lập và báo cáo tài chính. Doanh nghiệp cần thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm được thực hiện bởi một công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động tại VN.

关于中国投资者在越南纺织行业运营中的合规性问题

- **遵守税收规定:** 企业需按照越南法律规定, 及时、充分地进行税务登记和申报。
- **遵守会计-审计规定:** 企业需建立并适用符合越南会计准则 (VAS) 的会计系统, 遵守财务报告编制和申报的规定。企业需每年进行财务报表审计, 审计工作应由在越南获准经营的独立审计公司执行。

KIỂM SOÁT TUÂN THỦ TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN, DOANH NGHIỆP DỆT, MAY CỦA NHÀ ĐẦU TƯ TQ TẠI VN

- **Tuân thủ quy định về Lao động - Bảo hiểm xã hội:** Doanh nghiệp phải ký kết hợp đồng lao động rõ ràng, đầy đủ với người lao động, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của cả hai bên. Doanh nghiệp phải đóng BHXH (bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp) cho người lao động theo quy định của pháp luật.
- **Tuân thủ quy định về Môi trường:** Doanh nghiệp phải thực hiện đánh giá tác động môi trường (ĐTM) cho dự án và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.
- **Báo cáo đầu tư:** Báo cáo hoạt động đầu tư (định kỳ hàng quý - năm) và Báo cáo giám sát đánh giá hoạt động đầu tư (06 tháng và năm).

关于中国投资者在越南纺织行业运营中的合规性问题

- **遵守劳动-社会保险规定:** 企业必须与劳动者签订明确、完整的劳动合同，确保双方的权益和义务。企业必须按照法律规定为劳动者缴纳社会保险（医疗保险、失业保险、工伤保险-职业病保险）。
- **遵守环境规定:** 企业必须对项目进行环境影响评估（ĐTM），并在生产经营过程中遵守环境保护规定。
- **投资报告:** 投资活动报告（定期每季度-年度）和投资活动监督评估报告（半年和年度）。

CÁC VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI TRONG DOANH NGHIỆP DỆT, MAY CỦA NHÀ ĐẦU TƯ TQ TẠI VN

Lao động nước ngoài (hay lao động Trung Quốc) làm việc tại Việt Nam cần lưu ý đảm bảo các điều kiện pháp luật sau:

- Phải có **hợp đồng lao động**: hợp đồng phải được ký kết bằng văn bản giữa công ty và người lao động, quy định rõ điều khoản làm việc, thời gian, thuế, bảo hiểm, mức lương, quyền và nghĩa vụ.
- Phải có **giấy phép lao động, visa, thẻ tạm trú**: đây là quyền lợi của người lao động đồng thời cũng là trách nhiệm tuân thủ việc cư trú và làm việc hợp pháp tại VN.
- Người lao động cũng cần lưu ý việc khai báo tạm trú, tuân thủ việc đóng thuế, bảo hiểm xã hội và tuân thủ quy định pháp luật Việt Nam.

关于中国投资者在越南纺织行业中对外籍劳工需注意的问题

外籍劳工（或中国劳工）在越南工作时需注意确保以下法律条件:

- **必须签订劳动合同**: 合同必须以书面形式由公司与劳动者签订，明确规定工作条款、工作时间、税务、保险、薪资、权利和义务。
- **必须持有工作许可证、签证和临时居留证**: 这是劳动者的权利，同时也是遵守在越南合法居住和工作的责任。
- 劳动者还需注意申报暂住、遵守纳税、缴纳社会保险以及遵守越南法律规定。

MỘT SỐ LOẠI HỢP ĐỒNG PHỔ BIẾN TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH DỆT, MAY CỦA NHÀ ĐẦU TƯ TQ TẠI VN

1. Hợp đồng gia công (Processing Agreement)

- Đây là loại hợp đồng phổ biến nhất trong ngành dệt may. Nhà đầu tư TQ (bên đặt hàng) cung cấp nguyên vật liệu (vải, phụ liệu...) hoặc bán thành phẩm cho doanh nghiệp VN (bên nhận gia công) để sản xuất ra thành phẩm theo yêu cầu.

2. Hợp đồng mua bán (Sales Contract)

- Nhà đầu tư TQ (bên bán) bán sản phẩm dệt may cho doanh nghiệp VN (bên mua) để phân phối hoặc sử dụng nội địa. Hoặc nhà đầu tư TQ sẽ bán sản phẩm dệt may này cho các doanh nghiệp các nước khác dưới hình thức xuất khẩu.

关于中国投资者在越南纺织服装业常见的一些合同类型

1. 加工合同

- 这是纺织服装业中最常见的一种合同类型。中国投资者（委托方）提供原材料（面料、辅料...）或半成品销售给越南企业（加工方），以按要求生产出成品。

2. 销售合同

- 中国投资者（卖方）将纺织品出售给越南企业（买方），以在越南国内销售或使用。或者中国投资者将这些纺织品出口销售给其他国家的企业。

MỘT SỐ LOẠI HỢP ĐỒNG PHỔ BIẾN TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH DỆT, MAY CỦA NHÀ ĐẦU TƯ TQ TẠI VN

3. Hợp đồng liên doanh (Joint Venture Contract)

- Nhà đầu tư TQ và doanh nghiệp VN cùng góp vốn để thành lập một công ty liên doanh hoạt động trong lĩnh vực dệt may. Hình thức này giúp NĐT TQ tiếp cận thị trường VN dễ dàng hơn, tận dụng được kinh nghiệm và mối quan hệ sẵn có của các đối tác địa phương.

4. Hợp đồng thuê gia công (Outsourcing Contract)

- Nhà đầu tư TQ (bên thuê) thuê doanh nghiệp VN (bên nhận thuê) thực hiện một phần công đoạn trong quá trình sản xuất dệt may (ví dụ: cắt, may, in...), Hoạt động này sẽ giúp linh hoạt hơn trong quá trình vận hành sản xuất của nhà đầu tư TQ.
- Ngoài các hợp đồng trên, khi vận hành một doanh nghiệp sản xuất dệt may tại VN, NĐT TQ cũng sẽ thường xuyên gặp các loại hợp đồng sau: Hợp đồng lao động, hợp đồng thuê nhà xưởng, hợp đồng dịch vụ khác (điện, nước...), hợp đồng bảo hiểm...

关于中国投资者在越南纺织服装业常见的一些合同类型

3. 合资合同

- 中国投资者和越南企业共同出资成立一家联合企业，在纺织服装领域开展业务。这种形式有助于中国投资者更容易地进入越南市场，利用当地合作伙伴的经验和关系。

4. 外包加工合同

- 中国投资者（承包方）租用越南企业（被承包方）来完成纺织服装生产过程中的某些工序（例如剪裁、缝纫、印刷...），这将使中国投资者在生产运营过程中更加灵活。
- 除了上述合同外，在越南经营纺织服装生产企业时，中国投资者还经常与以下类型的合同打交道：劳动合同、厂房租赁合同、其他服务合同（电力、水等）、保险合同...

SIGLAW 律师事务所有限公司



+86 19876717856 | 13923401056

+84 961 366 238 | +84 968 751 679



www.siglaw.com.vn



hanoi@siglaw.vn | hcm@siglaw.vn | sales@dreamxdx.com



中国办公室: 深圳市宝安区德政路惠科未来城203

北部办公室: 越南河内市 怀德县 安庆坊黎仲晋街 Geleximco A区
44/A32-NV13。

中部办公室: 越南岘港市海州区微女王街177号。

南部办公室: 越南胡志明市新平区第2街坊普光街5B号 Sky Center
大厦A座A9.05。

